TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 847/2017/DS-PT
Ngày: 14/9/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm*:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường
Các Thẩm phán: 1. Ông Phạm Hồng Giảng
2. Bà Vũ Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 14 tháng 9 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2017/TLPT-DS ngày 01/8/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp vốn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2017/DS-ST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận 9 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1803/2017/QĐ-PT ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Phạm Đức L, sinh năm 1968

Địa chỉ: 121A đường NC, Phường MM, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1982

Địa chỉ: 204/16/4 QL, Phường HS, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L và bà N: Ông Lê Hồng D, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: 170 OIK, Phường N, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Ngô Nhật Q, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: E601 đường D, phường PL B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh AQ

Địa chỉ: 101 HHT, Phường MB, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty AQ: Ông Ngô Nhật Q, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: E601 đường D, phường PL B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị Tuyết N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2015 của nguyên đơn ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị Tuyết N và quá trình giải quyết vụ án ông Lê Hồng D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ mối quan hệ quen biết trong làm ăn, vào năm 2014 ông Ngô Nhật Q rủ bà Nguyễn Thị Tuyết N hùn vốn mở cửa hàng hoa tươi The Box tại số 191 PDP, Phường MB, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q đưa ra đề nghị tổng số tiền cần phải góp vốn để mở cửa hàng hoa là 350.000.000 đồng, trong đó tài sản hữu hình là 200.000.000 đồng và tài sản vô hình là 150.000.000 đồng. Ông Q góp 55% và bà N góp 45% trên tổng số tiền vốn góp để cùng kinh doanh và thỏa thuận phân chia L nhuận theo tỉ lệ vốn góp. Bà N đồng ý với tỉ lệ vốn góp nêu trên đã giao cho ông Q số tiền 157.500.000 đồng tương đương 45% vốn góp. Sau đó, ông Q mở cửa hàng hoa và cửa hàng hoa đi vào hoạt động ổn định, hàng tháng đều có L nhuận và chia theo thỏa thuận.

Ngày 25/10/2014, giữa bà N, ông L và ông Q đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp, theo đó bà N và ông Q mỗi người chuyển nhượng lại cho ông L 10% vốn góp ban đầu. Tại thời điểm này các bên vẫn thống nhất giá trị của cửa hàng hoa The Box là 350.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, ông L đã chuyển cho bà N và ông Q mỗi người 35.000.000 đồng tương đương với 10% giá trị vốn góp, theo đó số vốn góp và tỉ lệ của mỗi người cụ thể như sau: Ông Q có 157.500.000 đồng tương ứng với 45% vốn góp; bà N có 122.500.000 đồng tương ứng với 35% vốn góp; ông L có 70.000.000 đồng tương ứng với 20% vốn góp. Toàn bộ số tiền vốn góp đều giao cho ông Q quản lý và sử dụng vào việc kinh doanh hoa.

Tư tháng 10/2014 đến tháng 3/2015 cửa hàng hoa kinh doanh luôn có lãi và chia L nhuận hàng tháng cho các bên. Riêng phần L nhuận tháng 3/2015 chưa chia vì chưa chốt sổ và ông Q đang giữ tiền lời. Tuy nhiên, từ tháng 4/2015 do bất đồng quan điểm trong công việc kinh doanh nên ông Q tự ý đóng cửa hàng hoa, ngưng hoạt động và tự chuyển mọi tài sản đồ đạc của cửa hàng về Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh AQ, đồng thời hủy trang mạng và địa chỉ email của cửa hàng. Ông L và bà N không đồng ý với việc ông Q tự ngừng việc kinh doanh cửa hàng hoa, nếu ông Q muốn ngừng kinh doanh thì buộc ông Q phải trả lại cho bà N số tiền 122.500.000 đồng và trả cho ông L số tiền 70.000.000 đồng tiền vốn góp. Sau đó, ông Q thỏa thuận với ông L, bà N là đồng ý trả cho ông L, bà N số tiền 180.000.000 đồng nhưng ông Q mới chuyển được 20.000.000 đồng thì không chịu thanh toán số tiền còn lại là 160.000.000 đồng.

Nay ông L và bà N khởi kiện yêu cầu ông Q phải thanh toán số tiền 160.000.000 đồng còn lại theo thỏa thuận, cụ thể là trả cho bà N 100.000.000 đồng và ông L 60.000.000 đồng.

Bị đơn ông Ngô Nhật Q trình bày:

Cửa hàng hoa The Box mở cửa vào năm 2012 tại địa chỉ tại số 369 PDP, Phường MB, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh do ông làm chủ và bà Nguyễn Thị Tuyết N là nhân viên cắm hoa, đồng thời cũng là nhân viên nắm giữ sổ sách kế toán của cửa hàng. Vì ông không biết cắm hoa và muốn bà N gắn bó lâu dài với công ty, có trách nhiệm với công việc nên ông đồng ý cho bà N 45% cổ phần vốn góp (chỉ nói miệng chứ không có văn bản). Đầu năm 2015, cửa hàng hoa chuyển về tại số 191 PĐP, Phường MB, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh và tuyển ông Phạm Đức L vào làm nhân viên giao hoa. Đồng thời ông có nói với ông L góp cổ phần vào cửa hàng hoa và ông L đồng ý mua lại của ông và bà N mỗi người 10% vốn góp, lúc này ông có 45% vốn góp và bà N có vốn góp 35% và ông L có vốn góp 20%.

Trong quá trình làm ăn kinh doanh cửa hàng hoa có L nhuận và đều chia hết cho các bên trong tháng đó. Sau đó, ông L, bà N đề nghị ông bán lại cửa hàng hoa với giá 180.000.000 đồng nhưng ông không đồng ý. Vì không đồng ý bán lại cửa hàng hoa nên bà N, ông L gây áp lực bằng việc tự ý nghỉ việc và lôi kéo các nhân viên khác trong cửa hàng cùng nghỉ việc. Đồng thời, bà N giữ con dấu và các tài liệu, hóa đơn của cửa hàng. Do bà N gây áp lực nên buộc ông phải chuyển vào tài khoản cho bà N 20.000.000 đồng để bà N trả con dấu và các giấy tờ liên quan cửa hàng hoa.

Nay bà N, ông L khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền 160.000.000 đồng, ông không đồng ý vì ông không có nhận tiền của bà N, còn số tiền ông L góp vào kinh doanh thì cửa hàng đã chia L nhuận cho ông L theo đúng thỏa thuận của các bên. Việc giữa các bên có tồn tại hợp đồng góp vốn ngày 25/10/2014 chỉ là mặt hình thức, thực tế không có việc góp vốn. Hoạt động của cửa hàng hoa The Box không liên quan gì đến Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh AQ.

Tại bản án sơ thẩm số 155/2017/DS-ST ngày 30/5/2017, Toà án nhân dân Quận 9 đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Ngô Nhật Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N 100.000.000 đồng và trả cho ông Phạm Đức L 60.000.000 đồng.

2. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí là 5.000.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06490 ngày 11/5/2015. Bà N phải nộp thêm là 2.500.000 đồng. Ông L phải chịu 3.000.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 06490 ngày 11/5/2015. Ông L phải nộp thêm 1.500.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/6/2017 ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị Tuyết N nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị Tuyết N ủy quyền cho ông Lê Hồng D đại diện kháng cáo yêu cầu ông Ngô Nhật Q phải hoàn trả vốn góp cho bà N là 100.000.000 đồng và ông L là 60.000.000 đồng, căn cứ hợp đồng chuyển nhượng phần góp vốn ngày 25/10/2014 và bản sao kê tài khoản của Vietcombank do Phòng giao dịch Hai Bà Trưng Chi nhánh Tân Định xác nhận.

+ Ông Ngô Nhật Q yêu cầu y án sơ thẩm, vì không có việc bà N góp vốn vào cửa hàng hoa The Box.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng phần góp vốn ngày 25/10/2014 và bản sao kê tài khoản của Vietcombank thể hiện, trong ngày 26/3/2015 ông Q có chuyển hai lần tiền, mỗi lần 10.000.000 đồng và có ghi nội dung chi tiết chuyển nhượng cổ phần 180.000.000 đồng. Đồng thời, tại Điều 5 của hợp đồng ngày 25/10/2014 các bên cam đoan tài sản góp vốn không tranh chấp. Như vậy, có căn cứ xác định ông Q góp vốn 45%, bà N góp vốn 35% và ông L góp vốn 20%. Ông Q tự ngưng hoạt động kinh doanh cửa hàng hoa tươi The Box, nên có lỗi. Do đó, ông L, bà N kháng cáo yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên số tiền vốn góp là 180.000.000 đồng, cụ thể ông L 60.000.000 đồng và bà N 100.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q xuất trình tờ Gmail để chứng minh bà N đe dọa, dùng áp lực, ép buộc ông phải trả hoàn trả số tiền 180.000.000 đồng chuyển nhượng cổ phần. Tuy nhiên, tại tờ Gmail ông Q cung cấp không thể hiện có việc bà N đe dọa, dùng áp lực, ép buộc để ông phải ghi nội dung chi tiết chuyển nhượng cổ phần 180.000.000 đồng trong phiếu chuyển khoản tại bản sao kê tài khoản của Vietcombank. Do đó, ông Q cho rằng bà N đe dọa, dùng áp lực, ép buộc ông phải ghi chuyển nhượng cổ phần 180.000.000 đồng, là không có căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Q phải trả cho nguyên đơn số tiền 160.000.000 đồng, trong đó, ông L 60.000.000 đồng và bà N 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 25/10/2014, bên nhận chuyển nhượng vốn ông Phạm Đức L với bên chuyển nhượng vốn ông Ngô Nhật Q và bà Nguyễn Thị Tuyết N thỏa thuận tài sản chuyển nhượng cửa hàng hoa tươi The Box tại số 191 PĐP, Phường MB, quận PN. Tài sản hữu hình là 200.000.000 đồng (như phụ lục đính kèm), giá trị tài sản vô hình 150.000.000

đồng; tổng giá trị góp vốn là 350.000.000 đồng. Ông L nhận chuyển nhượng 20% cổ phần chuyển nhượng từ ông Q và bà N (ông Q 55% và bà N 45%) tương đương 70.000.000 đồng. Sau khi ký chuyển nhượng phần vốn góp cho ông L, thì ông Q còn lại 45% và bà N còn lại 35% tương đương ông Q chuyển cho ông L 10% và bà N chuyển cho ông L 10%. Thời hạn góp vốn 100%. Ông L 20% (tương đương 70.000.000 đồng ngay sau khi hợp đồng chuyển nhượng được ký kết. Nguyên tắc xử lý khi giải thể rút vốn của các thành viên; dựa trên giá trị thị trường hiện tại; nguyên tắc phân chia lãi, lỗ, phân chia theo phần trăm tỉ lệ cổ phần. Mỗi tháng sẽ trích 10% trên tổng số L nhuận để góp vốn vào quỹ tái đầu tư, phần còn lại sẽ chia theo tỉ lệ vốn góp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền L của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong ba bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật (bút lục 106 – 107).

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L, bà N cùng ủy quyền cho ông D đại diện, ông Ngô Nhật Q và Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh AQ do ông Ngô Nhật Q đại diện theo pháp luật, xác nhận theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 25/10/2014, có đóng dấu của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh AQ. Tuy nhiên, trong hợp đồng ghi chủ thể nhận chuyển nhượng là giữa các cá nhân nhưng do bà N, ông L yêu cầu phải đóng dấu của Công ty AQ làm tin. Đồng thời, các đương sự xác nhận thống nhất hợp đồng này được ký kết giữa các cá nhân, không liên quan đến Công ty AQ. Đồng thời, xác nhận trong quá trình kinh doanh các bên đều có chia L nhuận theo tỉ lệ vốn góp.

[3] Xét tại Điều 1 của hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 25/10/2014 thể hiện, ông L nhận chuyển nhượng 20% cổ phần của ông Q và bà N (ông Q 10% và bà N 10% cổ phần) tương đương 70.000.000 đồng và sau khi ký chuyển nhượng phần vốn góp cho ông L thì ông Q còn lại 45% cổ phần và bà N còn lại 35% cổ phần. Đồng thời, tại Điều 2 của hợp đồng thể hiện, ông L 20% cổ phần tương đương 70.000.000 đồng ngay sau khi hợp đồng chuyển nhượng được ký kết. Như vậy có, căn cứ xác định ông L có 20% cổ phần; bà N có 35% cổ phần và ông Q có 45% cổ phần vốn góp tại cửa hàng hoa tươi The Box. Ngoài ra, tại Điều 1 của hợp đồng, các bên thỏa thuận tài sản chuyển nhượng cửa hàng hoa tươi The Box tại số 191 PĐP, Phường MB, quận PN. Tài sản hữu hình là 200.000.000 đồng, giá trị tài sản vô hình là 150.000.000 đồng; tổng giá trị góp vốn là 350.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định ông L có góp vốn 20% cổ phần tương đương 70.000.000, bà N góp vốn 35% cổ phần tương đương 122.500.000 đồng và ông Q góp vốn 45% cổ phần tương đương 157.500.000 đồng tại cửa hàng hoa tươi The Box.

[4] Ông Q trình bày, ông là chủ cửa hàng hoa tươi The Box, bà N là nhân viên cắm hoa và ông muốn bà N gắn bó lâu dài với cửa hàng và có trách nhiệm với công việc, nên ông cho bà N 45% cổ phần vốn góp, còn phần của ông L thì ông và bà N mỗi người có chuyển nhượng cổ phần góp vốn cho ông L là 10% tương đương số tiền 35.000.000 đồng. Do bà N và ông L gây áp lực bằng cách

tự ý nghỉ việc, nên không có người cắm hoa, nên ông phải ngưng hoạt động cửa hàng hoa tươi The Box.

[5] Nguyên đơn cho rằng, khi cửa hàng hoa ngưng hoạt động thì ông Q, bà N, ông L có thỏa thuận là ông Q sẽ trả lại cho bà N và ông L 180.000.000 đồng. Mặc dù nguyên đơn không cung cấp được văn bản thỏa thuận và ông Q không thừa nhận có thỏa thuận nêu trên. Tuy nhiên tại bản sao kê tài khoản của Vietcombank thể hiện, trong ngày 26/3/2015 ông Q có chuyển hai lần tiền, mỗi lần 10.000.000 đồng và có ghi nội dung chi tiết chuyển nhượng cổ phần 180.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định sau khi ngưng hoạt động cửa hàng hoa tươi The Box các bên có thỏa thuận ông Q sẽ trả lại cổ phần cho bà N, ông L là 180.000.000 đồng. Do đó, ông L, bà N kháng cáo yêu cầu ông Q trả số tiền vốn góp còn lại là 160.000.000 đồng, trong đó bà N 100.000.000 đồng và ông L 60.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

[6] Ông Q trình bày, việc ông chuyển khoản cho bà N số tiền 20.000.000 đồng là để bà N trả lại con dấu và toàn bộ hồ sơ giấy tờ của cửa hàng và do bà N đe dọa, dùng áp lực, ép buộc ông phải ghi trong tờ chuyển khoản là chuyển nhượng cổ phần 180.000.000 đồng và ông Q có xuất trình bản Gmail do bà N gửi cho ông ngày 05/4/2014. Tuy nhiên, bản Gmail này không thể hiện nội dung bà N đe dọa, dùng áp lực, ép buộc ông Q. Đồng thời, bản Gmail thể hiện bà N gửi ngày 05/4/2015, còn ông Q chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng có ghi "chuyển nhượng cp 180.000.000 đồng" ngày 26/3/2015. Như vậy, việc ông Q chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng có trước khi bà N gửi bản Gmail cho ông Q. Do đó, ông Q cho rằng, bà N đe dọa, dùng áp lực, ép buộc ông chuyển khoản hai lần tiền ngày 26/3/2015, mỗi lần 10.000.000 đồng có ghi chuyển nhượng cổ phần 180.000.000 đồng, là không có căn cứ.

[7] Án sơ thẩm nhận định, bà N không có góp vốn số tiền 157.000.000 đồng tương ứng 45% vốn góp và không giao số tiền vốn góp cho ông Q. Đồng thời, nguyên đơn không cung cấp được phụ lục hợp đồng đính kèm thể hiện tài sản hữu hình và tài sản vô hình tại thời điểm góp vốn mà các bên thỏa thuận là bao gồm những tài sản nào, thời điểm ngưng hoạt động thì còn những tài sản gì (không có biên bản thanh lý). Do đó, bác yêu cầu của nguyên đơn, là không có căn cứ. Bởi vì, theo bản tự khai ngày 03/7/2015 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông L, bà N cùng ủy quyền cho ông Dưỡng đại diện và ông Ngô Nhật Q xác nhận tài sản hữu hình tại cửa hàng hoa tươi The Box gồm máy tính, máy ảnh, hệ thống camera, kệ sắt, đèn chiếu sáng, máy lạnh, máy phun sương, cửa kính cường lực… và tài sản vô hình là trang Web của cửa hàng hoa The Box, email và thương hiệu cửa hàng hoa The Box.

Đồng thời, ông Q thừa nhận, sau khi có bất đồng giữa các bên, thì ông đã ngừng hoạt động kinh doanh cửa hàng hoa tươi The Box và số tài sản hữu hình tại cửa hàng hoa ông Q đã thanh lý được 5.000.000 đồng và tài sản vô hình ông đã xóa trên trang mạng, nhưng không được sự đồng ý của bà N và ông L là người góp vốn tại cửa hàng hoa tươi The Box.

[8] Như đã nhận định trên, mặc dù các bên không lập văn bản, tuy nhiên tại bản sao kê tài khoản của Ngân hàng Vietcombank do ông Q chuyển khoản cho bà N thể hiện tại phần nội dung chi tiết có ghi chuyển nhượng cổ phần 180.000.000 đồng. Đồng thời ông Q đã tự bán tài sản hữu hình; xóa trang web, email của cửa hàng hoa và ngưng hoạt động tại cửa hàng hoa The Box, nên có lỗi. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Q phải trả cho bà N số tiền 100.000.000 đồng và ông L 60.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông L và bà N, nên ông Q phải chịu án phí tổng cộng là 8.000.000 đồng. Hoàn lại án phí dân sự sơ thẩm tạm nộp cho bà N và ông L.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên ông L và bà N không phải nộp. Hoàn lại án phí dân sự phúc thẩm tạm nộp cho bà N và ông L.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009.

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị Tuyết N.

2. Sửa bản án số 155/2017/DS-ST ngày 30/5/2017 của Toà án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị Tuyết N.

Buộc ông Ngô Nhật Q phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị Tuyết N số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) [trong đó ông Phạm Đức L số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và bà Nguyễn Thị Tuyết N số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng)] là số tiền vốn góp kinh doanh tại cửa hàng hoa tươi The Box.

Kể từ ngày ông L, bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Q chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Q còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Nhật Q phải chịu 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị Tuyết N số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) theo biên lai thu số 06490 ngày 11/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị Tuyết N không phải chịu. Hoàn trả cho ông Phạm Đức L và bà Nguyễn Thị Tuyết N mỗi người 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo các biên lai thu số 0002936 ngày 16/6/2017 và số 0003058 ngày 18/7/2017 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM
- VKSND TP.HCM;
- THA DS Quận 9;
- TAND Quận 9;
- Các đương sự;
- Lưu (T/.19)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Tường